

TÔNG HUẤN

Redemptoris Custos

ĐÁNG GÌN GIỮ CHÚA CỨU THỂ

Về dung mạo và sứ mạng của thánh Giuse trong cuộc đời của Chúa Giêsu và của Hội thánh.

* Bản dịch của Học viện Đa Minh

Kính gửi các Giám mục,
Linh mục và Phó tế,
tu sĩ nam nữ, và tất cả mọi tín hữu giáo dân,

NHẬP ĐỀ

1. Được kêu gọi gìn giữ Chúa Cứu Thế, “*ông Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà*” (Mt 1,24)

Ngay từ những thế kỷ đầu, do cảm hứng từ Tin Mừng, các Giáo phụ đã chứng tỏ cho thấy rõ ràng rằng thánh Giuse, như đã ân cần săn sóc đức Maria và đã tận tình dạy dỗ đức Kitô trong niềm vui sướng,^[1] thì Người cũng là Đáng gìn giữ, bảo trợ Thân Mình của đức Kitô, tức là Giáo Hội mà Đức Thánh Trinh Nữ là hình bóng và là khuôn mẫu.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm công bố thông điệp *Quamquam Pluries* của ĐGH Lêô XIII^[2], và trong đường hướng tôn kính thánh Giuse đã có từ nhiều thế kỷ, tôi muốn cùng anh chị em suy niệm một vài tư tưởng về Đáng mà Thiên Chúa “*đã trao phó cho việc gìn giữ kho tàng quý giá nhất của Người*”^[3]. Tôi vui mừng thực hiện công tác mục vụ này để làm tăng triển lòng sùng kính của mọi người đối với Đáng bảo trợ Giáo hội toàn cầu, cũng như làm tăng triển tình yêu đối với Đáng Cứu Thế mà thánh Giuse đã phục vụ một cách gương mẫu.

Như thế, không những toàn thể dân Kitô hữu sẽ nhiệt thành hơn trong việc chạy đến với thánh Giuse và khẩn khoản nài xin Người bảo trợ, nhưng Dân Chúa còn nhìn thấy được cách thức khiêm nhường và khôn ngoan của thánh Giuse trong việc phục vụ và tham dự vào nhiệm vụ cứu độ.^[4]

Thật vậy, tôi nhận thấy rằng, nếu có được một suy tư mới mẻ về việc tham dự của vị Hôn phu đức Maria vào mầu nhiệm thần linh, thì Giáo hội, trong bước đường đi tới tương lai cùng với toàn thể nhân loại, sẽ không ngừng tìm thấy được căn tính của mình trong khung cảnh kế hoạch cứu độ, *kế hoạch này đặt nền tảng trong mầu nhiệm Nhập Thể*.

Không kể đức Maria, Thân mẫu của Ngôi Lời Nhập Thể, thánh Giuse Nadarét rõ ràng đã tham dự vào mầu nhiệm Nhập Thể nhiều hơn ai hết. Cùng với Đức Mẹ, thánh Giuse đã tham dự vào mầu nhiệm đó, đã được lôi cuốn vào trong thực tại của cùng một biến cố cứu độ, và Người đã là người được ký thác cùng một tình yêu, nhờ tình yêu đó, Chúa Cha vĩnh cửu đã “tiên định cho ta làm nghĩa tử nhờ Đức Giêsu Kitô” (Ep 1,5)

I. KHUNG CẢNH CỦA TIN MỪNG

CUỘC HÔN NHÂN VỚI ĐỨC MARIA

2. “Này ông Giuse, là con cháu Đavít, *đừng ngại đón bà Maria vợ ông ve*, vì người con bà curu mang là do Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi” (Mt 1,20-21)

Những lời này gói ghém điều cốt yếu của chân lý Thánh Kinh về thánh Giuse và về thời gian tại thế của Người mà các giáo phụ thường đặc biệt quy chiếu.

Thánh Máttêu giải thích ý nghĩa thời gian đó bằng việc xác định cách sống của thánh Giuse. Tuy nhiên, để hiểu đầy đủ nội dung và văn mạch đoạn văn đó, cần phải đặt nó song song với đoạn *Tin Mừng của Luca*. Thật vậy, khi đối chiếu với câu: “Sau đây là gốc tích đức Giêsu Kitô: bà Maria mẹ Người, *đã đính hôn với ông Giuse*. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng Chúa Thánh Thần” (Mt 1,18), ta thấy thiên chức làm mẹ “do bởi Chúa Thánh Thần” của Đức Maria trong bản văn của Luca nói về biến cố Truyền Tin được mô tả chi tiết và rõ ràng hơn. “Thiên Chúa sai sứ thần Gabriel đến một thành miền Galilê, gọi là Nadarét, gặp một trinh nữ đã đính hôn với một người tên là Giuse, thuộc nhà Đavít. Trinh nữ ấy tên là Maria” (Lc 1,26-27). Những lời của sứ thần: “Mừng vui lên, hỡi Đấng đầy ân sủng, Đức Chúa ở cùng bà” (Lc 1,28) làm cho Đức Maria bối rối và phải suy nghĩ. Khi đó thiên sứ trấn an đức Maria và bày tỏ cho bà biết ý định đặc biệt của Thiên Chúa đối với bà: “*Thưa bà Maria, xin đừng sợ, vì bà đẹp lòng Thiên Chúa. Và này đây bà sẽ thụ thai, sinh hạ một con trai, và đặt tên là Giêsu. Người sẽ nên cao cả, và sẽ được gọi là Con Đấng Tối Cao. Đức Chúa là Thiên Chúa sẽ ban cho Người ngai vàng vua Đavít, tổ tiên Người*” (Lc 1,30-32).

Trước đó một chút, thánh sử đã xác định rằng khi được sứ thần truyền tin, đức Maria “*đã đính hôn với một người tên là Giuse, thuộc nhà Đavít*”. Tính chất của cuộc “hôn nhân” này được gián tiếp giải thích trong câu hỏi của đức Maria khi nghe thiên sứ báo việc sinh hạ một con trai: “*Việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng*” (Lc 1,34). Khi đó, sứ thần trả lời: “Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà, và quyền năng Đấng Tối Cao sẽ rợp bóng trên bà, vì thế kẻ sắp sinh ra sẽ là thánh, sẽ được gọi là Con Thiên Chúa” (Lc 1,35). Đức Maria dù đã “kết hôn” với thánh Giuse, vẫn mãi mãi đồng trinh, bởi vì Con Trẻ Người curu mang khi Truyền Tin là do Chúa Thánh Thần.

Về điểm này, bản văn Luca trùng hợp với Mt 1,18 và giúp giải thích cho điều chúng ta vừa đọc: (theo Matthêu), sau khi đính hôn với thánh Giuse, đức Maria “thấy mình có thai do bởi Chúa Thánh Thần”, điều đó hoàn toàn phù hợp với biến cố Truyền tin (ở Luca), nhất là với những lời cuối cùng của Đức Maria: “Xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói” (Lc 1,38). Đức Maria đáp lại ý định rõ ràng của Thiên Chúa, và ngày qua tháng lại, trước mặt nhân loại và thánh Giuse, đức Maria trở thành như một người có thai, như một phụ nữ sẽ sinh con và mang trong mình huyền nhiệm làm mẹ.

3. Trong hoàn cảnh như vậy, “ông Giuse, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, *nên mới định tâm bỏ bà cách kín đáo*” (Mt 1,19). Thánh Giuse không biết phải cư xử thế nào trước sự kiện làm mẹ “kỳ lạ” của Maria. Chắc chắn là thánh Giuse đã tìm cách giải đáp thắc mắc làm ông lo ngại, nhưng nhất là phải tìm lối thoát khỏi tình cảnh khó khăn này. Khi thánh Giuse “đang toan tính như vậy, thì kìa sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng: “Này ông Giuse là con cháu Đavít, *đừng ngại đón bà Maria vợ ông về*, vì người con bà cưu mang là do Chúa Thánh Thần. Bà sẽ sinh con trai, và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu vì chính Người sẽ cứu dân mình khỏi tội lỗi” (Mt 1,20-21)

Hai bản văn “Truyền Tin” của Matthêu và Luca có rất nhiều nét giống nhau. *Sứ thần Thiên Chúa dẫn đưa Giuse vào huyền nhiệm làm mẹ của Maria*. Người phụ nữ, theo pháp luật là hôn thê của thánh Giuse, tuy vẫn hoàn toàn đồng trinh, đã trở thành mẹ do Chúa Thánh Thần. Và khi người con trong lòng đức Maria chào đời thì sẽ được đặt tên là Giêsu. Đó là một tên gọi quen thuộc trong dân Ítraen và người ta thỉnh thoảng cũng đặt tên đó cho các trẻ em. Tuy nhiên, đây lại là *người Con*, theo lời hứa của Thiên Chúa, *sẽ hoàn tất trọn vẹn ý nghĩa của tên đó: Giêsu*, -Yêhôsua có nghĩa là Thiên Chúa cứu.

Sứ thần Thiên Chúa ngỏ lời với thánh Giuse như là “người chồng của Maria”, là người, khi đến thời đến buổi, sẽ đặt tên Giêsu cho con trẻ sinh ra do Trinh nữ đã đính hôn với ông. Như vậy khi ngỏ lời với thánh Giuse, *sứ thần đã giao phó cho thánh Giuse những nghĩa vụ của một người cha trần thế đối với người con của đức Maria*.

“Khi tinh giác, ông Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà” (Mt 1,24). Thánh Giuse đã đón nhận đức Maria cùng với huyền nhiệm làm mẹ của Người, ông đón nhận Maria cùng với người con sẽ được sinh ra do quyền năng Chúa Thánh Thần: như thế thánh Giuse tỏ ra *một ý muốn sẵn sàng, giống như đức Maria*, đối với điều Thiên Chúa đã yêu cầu qua lời sứ thần.

II. NGƯỜI ĐƯỢC KÝ THÁC MÀU NHIỆM CỦA THIÊN CHÚA

4. Ít lâu sau biến cố Truyền Tin, đức Maria đi đến nhà Dacaria để thăm người bà con là Êlidabét. Khi nghe lời chào của đức Maria, Êlidabét “được tràn đầy Thánh Thần” (xc. Lc 1,41) đã đáp lại. Sau những lời có liên hệ

chặt chẽ với lời chào của thiên sứ trong biến cố Truyền Tin, Êlidadét nói thêm: “Em thật có phúc vì đã tin rằng Chúa sẽ thực hiện những gì Người đã nói với em” (Lc 1,45). Những lời này đã là tư tưởng then chốt của thông điệp *Redemptoris Mater* (Thân Mẫu Đáng Cứu Thế), trong đó tôi muốn đào sâu giáo huấn của Công đồng Vaticanô II: “Đức Trinh Nữ đã tiến bước trong cuộc lữ hành đức tin, trung thành hiệp nhất với Con Mình cho đến bên thập giá”^[5], Mẹ “đi tiên phong”^[6] những người bước theo Chúa Kitô do lòng tin.

Bây giờ, vào lúc khởi đầu cuộc lữ hành này, đức tin của đức Maria đã gặp đức tin của thánh Giuse. Nếu bà Êlidadét đã nói với Mẹ Đáng Cứu Thế: “Phúc thay kẻ đã tin”, thì người ta cũng có thể phân nào áp dụng mỗi phúc ấy cho thánh Giuse, bởi vì ông đã chấp thuận lời Thiên Chúa ngõ với ông trong giây phút quyết định đó. Nói đúng ra, ông Giuse không đáp lại “lời truyền tin” của sứ thần như đức Maria, nhưng ông đã “làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà”. *Điều ông Giuse làm là một sự “tuân phục của lòng tin” rất thuần túy* (xc. Rm 1,5; 16,26; 1 Cr 10,5-6).

Ta có thể nói rằng *điều ông Giuse làm* đã nối kết Người một cách hết sức đặc biệt với đức tin của đức Maria: ông Giuse đã chấp nhận điều mà trước đó đức Maria đón nhận khi được truyền tin, như là một chân lý đến từ Thiên Chúa. Công đồng nói: “Phải bày tỏ sự **tuân phục của lòng tin** đối với Thiên Chúa mạc khải. Nhờ sự vâng phục đó, con người phó thác hoàn toàn cho Thiên Chúa một cách tự do, “dâng lên Thiên Chúa mạc khải sự quy phục hoàn toàn của lý trí và ý chí” đồng thời sẵn sàng chấp nhận mạc khải Người ban cho”^[7]. Câu này, liên quan đến chính yếu tính của đức tin, được áp dụng trọn vẹn cho ông Giuse người Nadarét.

5. Như thế, thánh Giuse được đặc biệt trở thành *người được ký thác mầu nhiệm* “đã được giữ kín từ muôn thuở nơi Thiên Chúa” (xc Ep 3,9), cũng như đức Maria đã được ký thác như vậy trong giây phút quyết liệt mà thánh Tông đồ gọi là “*khi thời gian tới hồi viên mãn*”, tức là khi “Thiên Chúa đã sai Con mình tới, sinh làm con một người đàn bà” để “cứu chuộc những ai sống dưới lệ luật” để “ban cho họ ơn làm nghĩa tử” (xc Gl 4,4-5). Thánh Công đồng nói: “Thiên Chúa nhân lành và khôn ngoan đã muốn mạc khải chính mình và tỏ cho mọi người biết mầu nhiệm thánh ý Người (xc Ep 1,9). Nhờ đó, loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, Ngôi Lời nhập thể, trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần bản tính của Thiên Chúa.” (xc Ep 2,18; 2 Pr 1,4)^[8]

Cùng với đức Maria, thánh Giuse là người đầu tiên được ký thác mầu nhiệm này của Thiên Chúa. Đồng thời và cùng với đức Maria, thánh Giuse tham dự vào giai đoạn cao điểm của Mạc Khải, tức là việc Thiên Chúa tỏ mình ra trong đức Kitô, và thánh Giuse đã tham dự từ giây phút khởi sự. Khi đọc bản văn của hai thánh sử Matthêu và Luca, người ta cũng có thể nói rằng thánh Giuse là người đầu tiên tham dự vào niềm tin của Mẹ Thiên Chúa, và như thế, thánh Giuse nâng đỡ bạn mình trong niềm tin vào điều thiên sứ loan báo, thánh Giuse cũng là người đã được Thiên Chúa đặt ở hàng đầu trên con đường **lữ hành đức tin**, con đường mà đức Maria, nhất là khởi từ đời Can-vê và ngày Hiện xuống, sẽ là người đi tiên phong một cách tuyệt vời. ^[9]

6. Con đường cá biệt của thánh Giuse, *cuộc lữ hành đức tin của Người sẽ kết thúc trước*, nghĩa là trước khi đức Maria hiện diện dưới chân thập giá trên đồi Gôlgôtha và khi Đức Kitô đã về cùng Chúa Cha, trước khi Mẹ Maria trở lại nhà Tiệc ly vào ngày Giáo hội được sinh ra từ sức mạnh của Thánh Thần Chân lý và được bày tỏ cho thế giới. Tuy nhiên *con đường đức tin của thánh Giuse cũng theo một hướng đó*, hoàn toàn được quy định bởi cũng một mẫu nhiệm; cùng với Mẹ Maria, thánh Giuse trở thành người đầu tiên được ký thác mẫu nhiệm đó. Nhập thể và Cứu độ cùng làm nên một thực thể duy nhất hữu cơ, bất khả phân, trong đó, “công cuộc mạc khải được thực hiện bằng các biến cố và lời nói liên kết mật thiết với nhau”^[10]. Chính vì sự duy nhất này, đức Gioan XXIII, người rất mực tôn kính thánh Giuse, đã quyết định rằng, trong lễ quy Rô-ma, để muôn đời kính nhớ mẫu nhiệm Cứu độ, danh tánh thánh Giuse được thêm vào bên cạnh tên đức Maria, trước các tông đồ, các thánh giáo hoàng và các thánh tử đạo^[11].

NHIỆM VỤ CỦA VAI TRÒ LÀM CHA

7. Như ta thấy từ các bản văn Tin Mừng, cuộc hôn nhân với đức Maria là nền tảng pháp lý cho vai trò làm cha của thánh Giuse. Chính để bảo đảm một sự hiện diện phụ tử bên cạnh đức Giêsu mà Thiên Chúa đã chọn thánh Giuse làm bạn của đức Maria. Như thế vai trò làm cha của thánh Giuse “mối tương quan này đưa thánh Giuse đến thật gần với đức Kitô, là cùng đích của mọi việc tuyên chọn và mọi ơn tiền định (xc Rm 8,28-29)” được thực hiện qua cuộc hôn nhân với đức Maria, nghĩa là qua đời sống gia đình.

Trong khi quả quyết rõ ràng rằng đức Giêsu được hoài thai nhờ Chúa Thánh Thần và đức Maria vẫn trọn vẹn đồng trinh (xc Mt 1,18-25; Lc 1,26-38), các thánh ký vẫn gọi thánh Giuse là chồng của đức Maria và đức Maria là vợ của thánh Giuse (xc Mt 1,16.18-24; Lc 1,27; 2,5).

Đối với Giáo hội cũng thế, nếu cần phải tuyên bố rằng đức Giêsu được curu mang trong sự đồng trinh thì cũng cần phải bảo vệ *cuộc hôn nhân giữa đức Maria và thánh Giuse*, vì vai trò làm cha của thánh Giuse lệ thuộc, theo pháp lý, vào cuộc hôn nhân đó. Như thế, người ta hiểu tại sao dòng dõi đức Giêsu lại được kể theo gia phả thánh Giuse. Thánh Augustinô tự hỏi: Tại sao các dòng dõi đó lại không thể thuộc về gia phả của thánh Giuse được? Thánh Giuse không phải là chồng của đức Maria sao? (. . .) Qua lời nói đầy uy tín của sứ thần, Kinh thánh xác quyết rằng Giuse là chồng của đức Maria. Sứ thần nói: “*Đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà curu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần*” Thánh Giuse được lệnh đặt tên cho Hài Nhi theo dòng họ mình, dù rằng Hài Nhi không sinh ra do ông. Sứ thần nói: “*Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giêsu.*” Kinh thánh biết rõ ràng là Đức Giêsu không sinh ra từ tinh trùng của thánh Giuse, bởi vì thánh Giuse còn đang bận tâm về nguồn gốc việc thụ thai của đức Maria, sứ thần đã nói với thánh Giuse: *điều đó là do Thánh Thần*. Tuy thế, quyền làm cha của thánh Giuse không mất đi, bởi vì thánh Giuse được lệnh lấy tên dòng họ mình đặt cho Con Trẻ. Sau cùng chính Đức Trinh Nữ Maria, dù ý thức rõ ràng mình đã thụ thai đức Kitô không do liên hệ hôn nhân với thánh Giuse, nhưng vẫn gọi thánh Giuse là *cha của Đức Kitô*^[12]

Vì mỗi dây hôn phối liên kết hai người, nên *người con trai của đức Maria cũng là con của thánh Giuse*: “Vì mỗi dây hôn nhân trung tín này, *cả hai xứng đáng được gọi là cha mẹ của đức Kitô, không phải chỉ có đức Maria được gọi là Mẹ, nhưng cả thánh Giuse cũng được gọi là Cha của đức Kitô và là người chồng của đức Maria, bởi vì cả hai trở thành cha mẹ không phải do xác thịt mà do tinh thần.*”^[13] Trong cuộc hôn nhân này, không thiếu sót điều gì cả: “*Nơi cha mẹ của đức Kitô, tất cả những thiện hảo của hôn nhân đã được thực hiện: sinh con, trung tín, bí tích. Như chúng ta biết, sinh con chính là Chúa Giêsu; trung tín bởi vì không hề có ngoại tình; và bí tích vì không có ly dị.*”^[14]

Khi phân tích cuộc hôn nhân này, thánh Augustinô cũng như thánh Tôma đều luôn luôn cho rằng bản chất của nó là do “sự liên kết chặt chẽ của hai tinh thần”, trong “sự liên kết của hai tâm hồn”, trong “sự đồng lòng”^[15], tất cả những yếu tố đó được tỏ hiện một cách gương mẫu trong cuộc hôn nhân này. Vào lúc cao điểm của lịch sử cứu độ, khi Thiên Chúa mạc khải tình yêu của Người cho nhân loại qua việc ban Ngôi Lời, thì rõ ràng *chính cuộc hôn nhân của Maria và Giuse*, với trọn vẹn tự do, đã thực hiện được “sự dâng hiến chính mình trong hôn nhân” bằng cách đón nhận và diễn tả một tình yêu như thế^[16]. “Trong công cuộc đổi mới mọi sự trong Đức Kitô, hôn nhân cũng được thanh tẩy và đổi mới, trở thành một thực tại mới, một bí tích của Giao Ước mới. Và ở đây cũng như trong Giao Ước cũ, Giao Ước được khởi đầu với một đôi vợ chồng. Tuy nhiên, trong khi đôi vợ chồng Adam và Evà là nguồn sự dữ lan tràn trên trần gian, thì đôi bạn thánh Giuse và đức Maria lại là cao điểm từ đó sự thánh thiện tuôn tràn trên toàn trái đất. Đấng Cứu thế đã bắt đầu công trình cứu độ của Người nhờ sự liên kết đồng trinh và thánh thiện này, trong đó thể hiện được tất cả ý muốn quyền năng của Người nhằm *thanh tẩy và thánh hóa gia đình*, là ngôi đền thánh của tình yêu và là cái nôi của sự sống”^[17]

Có biết bao bài học được rút ra cho đời sống gia đình ngày nay. Bởi vì “yếu tính của gia đình và các bổn phận gia đình dứt khoát phải được xác định bằng tình yêu” và vì “gia đình lãnh nhận *trách nhiệm gìn giữ, bày tỏ và thông truyền tình yêu*, là phản ảnh sống động và là sự tham dự vào tình yêu của Thiên Chúa đối với nhân loại, vào tình yêu của Chúa Kitô đối với hiền thê của Người là Giáo hội”^[18], tất cả các gia đình Kitô giáo phải tìm thấy hình ảnh của mình trong gia đình thánh đó, “*Giáo hội thu nhỏ*”^[19] tuyệt diệu đó. Quả thật, nơi đây, do “ý định kỳ diệu của Thiên Chúa, Con Thiên Chúa đã sống ẩn dật suốt nhiều năm dài. Như thế, thánh gia là mô hình và là mẫu gương cho mọi gia đình Kitô giáo”^[20]

8. Thiên Chúa đã gọi thánh Giuse để trực tiếp phục vụ chính đức Giêsu và sứ vụ của Người *qua việc thực thi trách nhiệm làm cha*: chính bằng cách đó, vào thời viên mãn, thánh Giuse đã cộng tác vào mầu nhiệm cứu độ lớn lao và người đích thật là “*thừa tác viên của ơn cứu độ*”^[21]. Trách nhiệm làm cha của thánh Giuse được diễn tả cụ thể trong sự kiện: “Người đã biến cuộc đời mình thành một sự phục vụ, một sự hy sinh cho mầu nhiệm Nhập Thể và cho sứ vụ cứu độ gắn kèm theo đó; đã sử dụng uy quyền pháp lý đối với thánh gia để trao ban bản thân, cuộc sống và công tác; đã biến đổi ơn gọi tự nhiên trong tình yêu gia đình thành nên một hiến tế siêu nhiên

chính bản thân mình, trái tim và tất cả sức lực của mình cho tình yêu phục vụ Đấng Cứu Thế đã sinh ra trong nhà mình”^[22]

Phụng vụ nhắc lại rằng “thánh Giuse đã được trao phó việc gìn giữ các màu nhiệm cứu độ vào lúc bình minh của thời đại mới”^[23] và xác quyết rằng Người là “đầy tớ trung tín và khôn ngoan mà Thiên Chúa đã trao phó thánh gia để Người coi sóc như người Cha đối với Con duy nhất”^[24]

Đức Lêô XIII nhấn mạnh tính cách cao cả của sứ mệnh này: “Do phẩm cách rất cao sang, thánh Giuse sáng chói giữa mọi người, bởi vì do ý muốn của Thiên Chúa, thánh Giuse đã là người giữ gìn Con Thiên Chúa, và nhân loại nhìn lên Người như người Cha của mình; từ đó suy ra rằng Ngôi Lời Thiên Chúa đã khiêm nhường lụy phục thánh Giuse, đã vâng lời và đã thảo kính đối với thánh Giuse theo những nghĩa vụ đòi buộc mọi người con đối với cha mẹ mình”^[25]

Không thể quan niệm một trách vụ cao cả như thế lại không đòi những đức tính cần thiết để chu toàn. Như vậy, thánh Giuse, “nhờ ân huệ đặc biệt từ trời, có tất cả tình thương tự nhiên, tất cả sự ân cần âu yếm mà trái tim một người cha có thể có được”^[26]

Cùng với quyền thế của một người cha đối với đức Giêsu, Thiên Chúa cũng ban cho thánh Giuse một tình yêu xứng hợp, tình yêu bắt nguồn từ trong Chúa Cha, là “nguồn gốc mọi gia tộc trên trời dưới đất.” (Ep 3,15)

Trong các sách Tin Mừng, trách vụ làm cha của thánh Giuse đối với đức Giêsu được mô tả rõ ràng. Thật vậy, tuy vẫn tôn trọng sự “hạ mình” vốn có trong nhiệm cục Nhập Thể, ơn cứu độ, nhờ nhân tính đức Giêsu, được thể hiện trong những hành vi làm nên đời sống gia đình hằng ngày. Các thánh ký đã rất quan tâm đến việc minh chứng rằng, trong đời sống đức Giêsu, không có điều gì là tình cờ và tất cả đều diễn ra theo kế hoạch Thiên Chúa đã thiết lập từ trước. Công thức thường được nhắc đi nhắc lại: “Điều đó xảy ra để hoàn tất . . .” cũng như việc quy chiếu từng biến cố vào một bản văn Cựu ước là nhằm để nhấn mạnh sự duy nhất và liên tục trong dự định của Thiên Chúa, dự định đó hoàn thành trong Đức Kitô.

Qua biến cố Nhập Thể, “các lời hứa” và “các hình bóng” của Cựu ước trở thành “những thực tại”: các nơi chốn, các nhân vật, biến cố, nghi thức hòa lẫn vào nhau theo trật tự rõ ràng của Thiên Chúa, được các thiên thần loan báo và được các nhân vật nhạy cảm đặc biệt với lời Thiên Chúa đón nhận. Đức Maria là tôi tớ khiêm nhường của Thiên Chúa, được chuẩn bị từ muôn thuở cho sứ mệnh làm Mẹ Thiên Chúa; thánh Giuse là người Thiên Chúa đã chọn để làm “người sắp xếp cho việc Chúa sinh ra”^[27], là người có trách vụ bảo đảm cho việc Con Thiên Chúa đến trần gian “đúng như dự định”, trong sự tôn trọng những an bài của Thiên Chúa và những quy định của nhân loại. Tất cả đời sống “riêng tư” và “ẩn dật” của đức Giêsu được giao phó cho thánh Giuse coi sóc.

CUỘC KIỂM TRA DÂN SỐ

9. Khi trở về Bêlem để chịu kiểm tra dân số theo lệnh quyền bính hợp pháp, thánh Giuse đã hoàn thành một trách vụ quan trọng và có ý nghĩa đối với Hải Nhi, đó là đăng ký chính thức với chính quyền dân sự của đế quốc: Hải Nhi được mang tên là “Giêsu, con ông Giuse Nadarét” (xc. Ga 1,45)

Việc ghi danh này cho thấy rõ ràng đức Giêsu thuộc dòng giống nhân loại, như một người trong muôn người, là công dân của thế giới này, tuân theo các luật pháp và các định chế dân sự, nhưng Người cũng là “*Đấng Cứu Độ thế giới*”. Ông Origène diễn giải ý nghĩa thần học bao hàm trong sự kiện kịch sử này thật hay, đó không phải là một sự kiện bên lề: “Tôi sẽ làm gì với câu chuyện này, câu chuyện đồng thời kể về cuộc kiểm tra dân số đầu tiên của toàn thể thế giới vào thời hoàng đế Augustô, kể về cuộc hành trình của “Thánh Giuse cùng với đức Maria, người vợ đang mang thai” bước đi giữa lòng nhân loại để cùng đăng ký vào sổ nhân khẩu, kể về việc Chúa Giêsu sinh ra nơi trần gian trước khi cuộc kiểm tra nhân khẩu chấm dứt? Với những ai biết quan sát kỹ lưỡng, họ sẽ thấy những biến cố này là dấu hiệu của một mầu nhiệm. Đức Giêsu cũng phải chịu cuộc kiểm tra nhân khẩu trong lần kiểm tra của toàn thể thế giới, bởi vì Người muốn được ghi tên cùng với mọi người để thánh hóa mọi người, Người muốn có tên trong danh sách cùng với toàn thể thế giới, để cho thế giới được sống hiệp thông với Người. Sau cuộc kiểm tra này, Người muốn kiểm tra tất cả mọi người cùng với mình trong sổ hàng sống và với tất cả những ai đã tin nơi Người, Người muốn ghi tên họ trên trời cùng với các thánh của Đấng nắm giữ tất cả vinh quang và sức mạnh từ thế kỷ này sang thế kỷ kia. Amen”^[28]

GIÁNG SINH Ở BÊLEM

10. Là người quản lý “mầu nhiệm đã được giấu kín từ muôn thuở” trong Thiên Chúa và nay bắt đầu được thể hiện ra trước mắt mình khi “đến thời viên mãn”, *thánh Giuse cùng với đức Maria trong đêm ở Bêlem*, là nhân chứng đặc biệt của việc Con Thiên Chúa sinh ra nơi trần gian. Thánh Luca đã diễn tả việc đó như sau: “*Khi hai người đang ở đó, thì bà Maria đã tới ngày mãn nguyệt khai hoa. Bà sinh con trai đầu lòng, lấy tã bọc con, rồi đặt nằm trong máng cỏ, vì hai ông bà không tìm được chỗ trong nhà trọ.*” (Lc 2,6-7)

Thánh Giuse là nhân chứng nhân tiên của việc sinh hạ này, diễn ra trong những điều kiện khiêm tốn của nhân loại, đó là lời tiên báo đầu tiên về việc “tự huỷ” (xc. Pl 2,5-8) mà Đức Kitô đã tự do chấp nhận để thứ tha tội lỗi. Đồng thời thánh Giuse cũng là *nhân chứng việc các mục đồng tìm đến thờ lạy đức Giêsu sinh ra* sau khi được thiên thần loan báo Tin Mừng lớn lao và diễm phúc đó (xc. Lc 2,15-16). Về sau, thánh Giuse còn là *nhân chứng việc các đạo sĩ từ phương đông đến tỏ lòng tôn kính Chúa.*(xc. Mt 2,11)

CẮT BÌ

11. Nhiệm vụ tôn giáo đầu tiên của người cha là cắt bì cho con trai: với nghi thức này (xc Lc 2,21) thánh Giuse thực thi quyền lợi và nghĩa vụ của Người đối với Đức Giêsu. Tất cả những nghi thức của Cựu ước chỉ là hình bóng của thực tại (xc Dt 9,9-10; 10,1), nguyên tắc đó giúp ta hiểu được tại sao đức Giêsu chấp nhận những nghi thức Cựu ước. Cũng như các nghi thức khác, nghi thức cắt bì được “hoàn tất” nơi đức Giêsu. Giao ước của Thiên Chúa với Ápraham mà việc cắt bì là dấu chỉ (xc St 17,13) đạt đến hiệu quả tròn đầy nơi đức Giêsu, bởi vì đức Giêsu là lời “Amen” của tất cả những lời hứa cũ (2 Cr 1,20) .

ĐẶT TÊN

12. Khi cắt bì, thánh Giuse đặt tên cho Con Trẻ là Giêsu, đó là tên duy nhất mang lại ơn cứu độ (xc Cv 4,12) và ý nghĩa chính của tên đó được bày tỏ cho thánh Giuse vào lúc “truyền tin” cho Người: “Ông phải đặt tên cho Con Trẻ là Giêsu, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi” (Mt 1,21). Khi đặt tên cho Hài Nhi theo dòng họ mình, thánh Giuse đã tỏ ra quyền làm cha hợp pháp của mình đối với đức Giêsu, và khi đặt tên đó, thánh Giuse công bố sứ vụ cứu độ của Hài Nhi.

DÂNG CHÚA GIÊSU TRONG ĐÈN THỜ

13. Nghi thức này, được thánh Luca thuật lại (2,22tt), bao gồm *việc chuộc lại người con đầu lòng* và cũng soi sáng cho sự việc tương lai của đức Giêsu khi Người ở lại trong đền thờ lúc 12 tuổi.

Việc chuộc lại người con đầu lòng cũng là một nghĩa vụ của người cha và thánh Giuse đã chu toàn nghĩa vụ đó. Con đầu lòng tượng trưng cho Dân Giao ước, sẽ được cứu khỏi ách nô lệ để thuộc về Thiên Chúa. Trên bình diện này cũng thế, vì đức Giêsu là “**giá chuộc**” đích thật (xc 1 Cr 6,20; 7,23; 1 Pr 1,19), nên Người không chỉ “hoàn tất” nghi thức của Cựu ước, nhưng đồng thời Người cũng vượt qua nghi thức đó; thật vậy, Người không phải là đối tượng để chuộc lại nhưng là chính tác giả của việc cứu chuộc.

Thánh ký ghi nhận rằng: “Cha và mẹ Hài Nhi ngạc nhiên vì những lời ông Simêon nói về Người” (Lc 2,33) nhất là về điều ông nói trong bài ca chúc tụng Thiên Chúa, trong đó, ông giới thiệu đức Giêsu là “Ơn cứu độ Chúa đã dành sẵn cho muôn dân”, là “ánh sáng soi đường cho dân ngoại, và là vinh quang của Ítraen dân Người”, xa hơn một chút, ông nói Người cũng là “dấu hiệu bị người đời chống báng.” (Lc 2,30-34)

TRỐN SANG AI CẬP

14. Sau biến cố dâng con trong đền thờ, thánh Luca ghi: “Khi hai ông bà đã làm xong mọi việc như Luật Chúa truyền, thì trở về nơi cư ngụ là thành Nadarét, miền Galilê. Còn Hài Nhi ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan và hằng được ân nghĩa cùng Thiên Chúa.” (Lc 2,39-40)

Tuy nhiên, theo bản văn *Mátthêu*, trước khi trở về Galilê, còn có một biến cố rất quan trọng, trong đó, Thiên Chúa quan phòng lại nhờ đến thánh Giuse: “Khi các nhà chiêm tinh đã ra về, thì kìa sứ thần Chúa hiện ra báo mộng cho ông Giuse rằng: “*Này ông, dậy đem Hài Nhi và mẹ Người trốn sang Ai cập*, và cứ ở đó cho đến khi tôi báo lại, vì vua Hêrôđê sắp tìm giết Hài Nhi đây !” (Mt 2,13) Khi các nhà chiêm tinh từ phương đông đến, vua Hêrôđê biết “vua dân Do thái” (Mt 2,2) đã sinh ra, và khi họ bỏ đi, ông “sai người đi giết tất cả các con trẻ ở Bêlem và toàn vùng lân cận.” (Mt 2,16) Như thế, khi giết tất cả các trẻ em vùng đó, Hêrôđê muốn giết Đấng vừa sinh ra, “vua dân Do thái”, mà ông đã nghe nói khi các nhà chiêm tinh đến thăm viếng ở triều đình. Trong khi đó, sau khi đã nghe lời báo trong giấc mộng, thánh Giuse “đang đem đưa Hài Nhi và mẹ Người trốn sang Ai cập. Ông ở đó cho đến khi vua Hêrôđê băng hà, để ứng nghiệm lời Chúa phán xưa qua miệng ngôn sứ: “*Ta đã gọi Con Ta ra khỏi Ai cập.*” (Mt 2,14-15; xc Hs 11,1)

Như vậy con đường của đức Giêsu từ Bêlem về Nadarét phải đi qua Ai cập. Cũng như Ítraen xưa, “từ tình trạng nô lệ”, đã bước theo con đường xuất hành để bắt đầu Giao ước cũ, thì cũng vậy, *thánh Giuse, người được giao phó và cộng tác vào mầu nhiệm quan phòng của Thiên Chúa*, cũng coi sóc Đấng thực hiện Giao ước mới trong bước lưu đày.

CHÚA GIÊSU TRONG ĐỀN THỜ

15. Theo một nghĩa nào đó, từ biến cố Truyền Tin, thánh Giuse cùng với đức Maria đã hiện diện ở *trung tâm mầu nhiệm* từ muôn thuở vẫn ẩn giấu nơi Thiên Chúa và nay được tỏ hiện: “*Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta.*” (Ga 1,14) Ngôi Lời ở giữa loài người và nơi Người sinh sống là *thánh gia Nadarét*, là một trong nhiều gia đình sinh sống tại thành phố nhỏ miền Galilê, một trong nhiều gia đình thuộc đất Ítraen. Tại đó, Đức Giêsu đã lớn lên: “Hài Nhi ngày càng lớn lên, thêm vững mạnh, đầy khôn ngoan và hằng được ân nghĩa cùng Thiên Chúa.” (Lc 2,40) Các thánh sử đã cô đọng trong vài dòng cả một *quãng đời dài “ẩn dật”*, thời gian đức Giêsu dành cho việc chuẩn bị sứ vụ Thiên Sai. Suốt thời gian “*ẩn dật*” đó, chỉ có một biến cố được nêu lên, thánh Luca ghi lại như sau: “*Dịp lễ Vượt Qua ở Giêrusalem lúc đức Giêsu được mười hai tuổi*”.

Đức Giêsu tham dự vào cuộc lễ này như một người hành hương trẻ, cùng với đức Maria và thánh Giuse. Và rồi, “xong kỳ lễ, hai ông bà trở về, còn cậu bé Giêsu thì ở lại Giêrusalem mà cha mẹ chẳng hay biết” (Lc 2,43). Sau một ngày đàng, hai ông bà mới biết rằng mình lạc mất con, và họ bắt đầu đi tìm “giữa đám bà con và người quen thuộc, sau ba ngày, hai ông bà mới tìm thấy con trong Đền thờ, đang ngồi giữa các thầy dạy, vừa nghe họ vừa đặt câu hỏi. Ai nghe cũng phải ngạc nhiên về trí thông minh và những lời đáp của cậu.” (Lc 2, 46-47) Mẹ

Người nói: “Con ơi, sao con lại xử với cha mẹ như vậy? *Con thấy không, cha và mẹ đây đã phải cực lòng tìm con!*” (Lc 2, 48) Câu trả lời của đức Giêsu khá lạ lùng đến nỗi hai ông bà “không hiểu nổi”. Người nói: “Sao cha mẹ lại tìm con? Cha mẹ không biết là *con có bốn phận ở nhà của Cha con sao?*” (Lc 2,49-50) Thánh Giuse mà đức Maria vừa gọi là “cha của con” cũng nghe câu trả lời đó. Thật vậy, mọi người đều nói và “nghĩ rằng đức Giêsu là con ông Giuse theo như thiên hạ tưởng” (Lc 3,23). Câu trả lời trong đền thờ ít nhiều đã làm sống lại trong tâm trí người “cha giả định” câu nói mà Người đã nghe vào một đêm nọ, trước đó mười hai năm: “Này ông Giuse... đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà *curu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần*”. Từ đó, thánh Giuse hiểu rằng mình là người quản lý mẫu nhiệm của Thiên Chúa, và hôm nay, khi lên mười hai tuổi, *đức Giêsu rõ ràng nhắc lại mẫu nhiệm đó*: “Con có bốn phận ở nhà của Cha con.”

ĐỨC GIÊSU SINH SỐNG VÀ ĐƯỢC DƯỠNG DỤC TẠI NADARÉT

16. Đức Giêsu lớn lên “ngày càng khôn lớn, và được Thiên Chúa cũng như mọi người thương mến” (Lc 2,51). Điều đó được thực hiện trong khung cảnh thánh gia, dưới sự chăm sóc của thánh Giuse, người có trách vụ cao cả là “*dưỡng dục*”, nghĩa là lo cơm ăn áo mặc cho Chúa Giêsu và dạy dỗ về lẽ luật cũng như huấn luyện nghề nghiệp cho Người theo trách nhiệm của một người cha.

Trong Thánh lễ, Giáo hội kính nhớ đức Maria trọn đời đồng trinh và thánh Giuse^[29] vì “*người nuôi nấng Đấng mà các tín hữu phải nhận lấy mà ăn như bánh trường sinh*”^[30]

Còn Đức Giêsu, Người “*vâng phục cha mẹ*” (Lc 2,51) kính cẩn đền đáp những chăm sóc của **cha mẹ**. Như thế, Người muốn thánh hóa những bổn phận của đời sống gia đình cũng như của công việc lao động mà Người thực hiện cùng với thánh Giuse.

III. NGƯỜI CÔNG CHÍNH “ VỊ HÔN PHU

17. Trong suốt cuộc sống, một cuộc lữ hành trong đức tin, thánh Giuse cũng như đức Maria, luôn tuyệt đối trung thành với tiếng gọi của Thiên Chúa. Cuộc đời của đức Maria là sự thể hiện tốt cùng lời “*xin vâng*” của ngày Truyền Tin, còn thánh Giuse, như chúng ta đã thấy, Người chẳng nói gì khi được “truyền tin”, nhưng chỉ “*thực hiện như sứ thần Chúa dạy.*” (Mt 1,24) Và việc **thực hiện đầu tiên này là khởi điểm cho hành trình của thánh Giuse**, Suốt cuộc hành trình đó, các thánh sử không ghi lại một lời nói nào của Người, nhưng *sự im lặng của thánh Giuse* có một tính hùng hồn đặc biệt: chính nhờ sự im lặng đó, người ta có thể hiểu được đầy đủ chân lý hàm chứa trong nhận định của Tin Mừng về thánh Giuse: “*Đấng Công Chính*” (Mt 1,19)

Cần phải hiểu rõ chân lý này, vì nó chứa đựng một trong những chứng từ quan trọng nhất về con người cũng như ơn gọi của mình. Qua các thời đại, Giáo hội ngày càng nghiên cứu chứng từ này một cách cẩn thận và ý thức hơn, dường như Giáo hội rút ra từ kho tàng của dung mạo đặc biệt này “cả cái mới lẫn cái cũ” (Mt 13, 52)

18. Trước hết, “người công chính” thành Nadarét có những tư cách nổi bật của một người chồng. Tin Mừng nói rằng đức Maria là “một thiếu nữ đã đính hôn với một người tên là Giuse.” (Lc 1,27) Trước khi “màu nhiệm được giữ kín từ muôn thuở nơi Thiên Chúa” (Ep 3,9) bắt đầu thể hiện, Tin Mừng trình bày cho chúng ta hình ảnh một cặp vợ chồng. Theo phong tục Do thái, hôn nhân chia thành hai giai đoạn: trước hết người ta lập hôn thú theo pháp luật (hôn nhân thật sự) và chỉ sau đó một thời gian chú rể mới đón vợ mình về. Trước khi chung sống với đức Maria, thánh Giuse đã là “chồng” của cô rồi. Tuy vậy *đức Maria vẫn giữ trong lòng ước nguyện dâng hiến trọn vẹn cho Thiên Chúa*. Chúng ta có thể đặt vấn đề ước nguyện đó dung hợp thế nào được với “hôn nhân”. Câu hỏi này chỉ được giải đáp qua diễn tiến các biến cố cứu độ, nghĩa là qua hành động đặc biệt của chính Thiên Chúa. Từ ngày Truyền tin, đức Maria hiểu rằng Mẹ phải thể hiện ước nguyện sống trinh khiết để hiến dâng cho Thiên Chúa một cách dứt khoát và trọn vẹn *trong chính lúc trở thành Mẹ của Con Thiên Chúa*. Thiên chức làm mẹ do tác động của Chúa Thánh Thần là một hình thức dâng hiến mà Thiên Chúa chờ đợi nơi đức Trinh Nữ đã kết hôn với thánh Giuse. Đức Maria thưa: “*Xin Vâng*”.

Sự kiện đức Trinh Nữ đã “đính hôn” với thánh Giuse cũng nằm trong chính *chương trình của Thiên Chúa*. Đó là điều mà các thánh sử Luca và Matthêu đã trình bày, nhất là nơi Matthêu. Những lời sứ thần nói với thánh Giuse rất có ý nghĩa “*Đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần*” (Mt 1,20). Những lời này cho thấy màu nhiệm nơi vị hôn thê của thánh Giuse: Maria vẫn đồng trinh trong việc làm mẹ. Nơi đức Maria, “*Con Đấng Tối Cao*” đón nhận một thân xác phạm nhân và trở nên “*Con loài người*”.

Khi nói với thánh Giuse qua lời sứ thần, Thiên Chúa như nói với *người chồng của trinh nữ Nadarét*. Điều đang được thực hiện nơi đức Maria do tác động của Thánh Thần đồng thời cũng cho thấy một *phê chuẩn đặc biệt cho mối liên hệ phu thê* đã có giữa thánh Giuse và đức Maria. Sứ thần nói rõ ràng với thánh Giuse: “*Đừng ngại đón bà Maria vợ ông về*”. Như thế điều này xảy ra trước đó – tức là cuộc hôn nhân với đức Maria – là do thánh ý Thiên Chúa và vì vậy phải được duy trì. Trong thiên chức Mẹ Thiên Chúa, Đức Maria phải tiếp tục sống như một “*trinh nữ, hôn thê của một hôn phu*.” (xc. Lc 1,27)

19. Qua những lời “truyền tin” báo mộng, thánh Giuse không những lắng nghe ý định của Thiên Chúa và ơn gọi khôn lường của bạn mình, nhưng Người còn *lắng nghe ý nghĩa ơn gọi của chính mình*. “*Người công chính*” này, theo tinh thần những truyền thống cao đẹp nhất của dân được chọn, đã yêu thương đức Trinh Nữ Nadarét và gắn bó với cô bằng mối dây phu phụ, giờ đây nữa, lại được Thiên Chúa kêu gọi sống tình yêu đó.

“Ông Giuse làm như sứ thần Chúa dạy và đón vợ về nhà”. Thai nhi trong lòng Mẹ là “do Chúa Thánh Thần”: qua những lời đó, phải chăng lại không thể kết luận rằng nơi thánh Giuse, *tình yêu của một người nam cũng được Chúa Thánh Thần đổi mới hay sao?* Chẳng lẽ không thể cho rằng tình yêu Thiên Chúa mà Thánh Thần đổ tràn vào tâm hồn con người (xc Rm 5,5) đã tác động vào mọi tình yêu nhân loại một cách hoàn thiện nhất hay sao? Tình yêu đó cũng tác động “một cách hoàn toàn đặc biệt” vào tình yêu phu phụ của các cặp vợ chồng và khắc ghi vào đó những gì xứng đáng và tốt đẹp của con người, những gì mang ấn dấu của sự từ bỏ chính mình hoàn toàn, của giao ước giữa các cá vị, và của sự hiệp thông đích thật vào mầu nhiệm Ba Ngôi.

“Ông Giuse... đón vợ về nhà. Ông không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai” (xc. Mt 1,24-25). Những lời này cho thấy một *sự thân mật khác* của đời sống hôn nhân. Tình thân mật sâu đậm đó, sự gắn bó tinh thần trong mối hiệp nhất và giao tiếp giữa hai con người “nam và nữ” phát xuất từ chính Chúa Thánh Thần là Đấng ban sự sống (xc. Ga 6,63). Thánh Giuse vâng lệnh Chúa Thánh Thần đã tìm thấy nguồn suối tình yêu nơi Người, tình yêu của một người chồng, và tình yêu này lớn lao hơn điều mà “người công chính” có thể chờ đợi theo mức độ của trái tim con người.

20. Trong phụng vụ, đức Maria được xưng tụng là đã kết hiệp với “thánh Giuse, người công chính, bằng tình yêu vợ chồng và trinh khiết”.^[31] Thật vậy, hai tình yêu đó cùng nói lên mầu nhiệm của Giáo hội “Trinh Nữ và Hiền Thê “ mà cuộc hôn nhân giữa đức Maria và thánh Giuse là biểu tượng. “Trinh khiết và độc thân vì Nước Trời không làm giảm thiểu phẩm giá hôn nhân chút nào, ngược lại, nó giả thiết và củng cố phẩm giá ấy. Hôn nhân và trinh khiết là hai cách để diễn tả và sống mầu nhiệm duy nhất của Giao ước Thiên Chúa với dân Người”^[32], tức là sự hiệp thông tình yêu giữa Thiên Chúa và con người.

Qua sự tự hiến hoàn toàn, thánh Giuse diễn tả tình yêu quảng đại đối với Mẹ Thiên Chúa, dành cho Mẹ “sự dâng hiến chính mình trong hôn nhân”. Mặc dù đã quyết định ra đi để khỏi cản trở chương trình của Thiên Chúa đang thực hiện nơi đức Maria, nhưng theo lệnh rõ ràng của sứ thần, thánh Giuse đã đón đức Maria về nhà và tôn trọng việc Mẹ hoàn toàn thuộc về Thiên Chúa.

Hơn nữa, qua cuộc hôn nhân với đức Maria, thánh Giuse đã có được phẩm giá độc nhất và các quyền đối với đức Giêsu. “Chắc chắn phẩm giá làm Mẹ Thiên Chúa rất cao vời, không thụ tạo nào cao hơn được nữa, nhưng vì thánh Giuse đã kết hiệp với đức Trinh Nữ bằng mối dây hôn nhân, nên hơn hết mọi người, *chắc chắn Người cũng đạt đến gần phẩm giá siêu vời đó*, phẩm giá đã làm cho Mẹ Thiên Chúa vượt hẳn trên mọi thụ tạo. Thật vậy, hôn nhân là một cộng đồng và là ơn hiệp nhất sâu xa hơn hết; sự hiệp nhất đó, tự nó, đưa tới sự chung nhau các thiện hảo giữa vợ chồng. Cũng thế, khi chọn thánh Giuse làm hôn phu của đức Maria, Thiên Chúa đã ban cho đức Maria không những một người bạn đời, một chứng nhân của sự trinh khiết, một người bảo vệ danh dự, nhưng chính nhờ khế ước hôn nhân, còn là một người tham gia vào phẩm giá siêu vời của đức Maria”^[33]

21. *Mối dây đức ái đó đã làm nên nếp sống của thánh gia*, lúc đầu trong cảnh đạm bạc ở Bêlem, rồi trong cuộc lưu lạc sang Ai-cập, và sau cùng trong đời sống tại Nadarét. Giáo hội đặc biệt tôn kính gia đình này, đặt lên làm gương mẫu cho mọi gia đình. Gia đình Nadarét vừa hội nhập trực tiếp vào mầu nhiệm Nhập Thể vừa cũng làm nên một mầu nhiệm đặc biệt. Đồng thời, trong mầu nhiệm này “ cũng như trong mầu nhiệm Nhập Thể “ tình phụ tử có một vị trí: *gia đình của Con Thiên Chúa mang hình thức nhân loại*, được thiết lập do mầu nhiệm Thiên Chúa. Trong gia đình này, *thánh Giuse là người cha*; tư cách làm cha đó không do việc sinh sản; tuy nhiên cũng không phải là “giả danh” hay chỉ là “thay thế”, nhưng có *đầy đủ tính cách đích thật của quyền làm cha theo khía cạnh nhân loại* và của vai trò làm cha trong gia đình. Ở đây ta nhận thấy một hệ quả của mầu nhiệm Ngôi Hiệp: nhân tính được kết hiệp với Ngôi Vị duy nhất của Ngôi Lời, là Chúa Con, tức là đức Giêsu Kitô.

Không chỉ nguyên nhân tính, nhưng *tất cả những gì của nhân loại cũng được “tiếp nhận” vào trong đức Kitô, đặc biệt là gia đình*, khung cảnh đầu tiên của con người sống trên trần gian. Trong bối cảnh đó, cả quyền làm cha theo khía cạnh con người của thánh Giuse cũng được “tiếp nhận” trong đức Kitô.

Theo nguyên tắc đó, câu nói của đức Maria với Chúa Giêsu trong đền thờ mang ý nghĩa sâu xa: “*Cha của con và mẹ đi tìm con.*” Đó không phải là một câu nói bình thường: câu nói của Mẹ đức Giêsu cho thấy tất cả thực tại của mầu nhiệm Nhập Thể, thực tại thuộc mầu nhiệm gia đình Nadarét. Chắc chắn, ngay từ đầu, “*khi vâng phục trong niềm tin*” để chấp nhận vai trò làm cha theo tính cách nhân loại đối với Chúa Giêsu, theo sự soi sáng của Chúa Thánh Thần ban cho con người qua đức tin, thì thánh Giuse cũng khám phá ngày càng rõ hơn *hồng ân khôn lường của vai trò làm cha.*

IV. LAO ĐỘNG, BIỂU HIỆN CỦA TÌNH YÊU

22. *Một trong những biểu hiện thường nhật của tình yêu trong gia đình Nadarét là lao động.* Bản văn Tin Mừng xác định cách thức thánh Giuse làm việc để nuôi gia đình: nghề *thợ mộc*. Từ ngữ ngắn gọn bao gồm tất cả cuộc đời của thánh Giuse. Còn đối với đức Giêsu, đó là nơi Người trải qua những năm tháng ẩn dật mà Tin Mừng nhắc đến sau biến cố trong đền thờ: “Sau đó, Người đi xuống cùng với cha mẹ trở về Nadarét và hằng “vâng phục” các ngài” (Lc 2,51). Vâng phục ở đây, tức là đức Giêsu vâng lời trong mái nhà Nadarét, cũng được hiểu là *sự tham gia vào công việc lao động của thánh Giuse*. Cậu bé được người ta gọi là “con bác thợ mộc” đã học nghề nơi người “được coi là cha”. Nếu trong kế hoạch của ơn cứu độ và của sự thánh thiện, gia đình Nadarét là một tấm gương và là kiểu mẫu cho các gia đình nhân loại, thì một cách tương tự, người ta cũng có thể nói như thế về *công việc của Chúa Giêsu bên cạnh bác thợ mộc Giuse*. Trong thời đại chúng ta, ngoài các ý nghĩa khác, Giáo hội đã nhấn mạnh đến giá trị lao động qua việc ấn định lễ kính nhớ thánh Giuse lao động ngày 01.05. *Lao động của con người*, nhất là công việc tay chân, *được nhấn mạnh đặc biệt trong Tin Mừng*. Lao động được đón nhận vào mầu nhiệm Nhập Thể cùng với nhân tính của Con Thiên Chúa, và cũng *được cứu độ một cách đặc*

biệt. Qua khung cảnh xưởng mộc, nơi Người làm việc cùng với Chúa Giêsu, thánh Giuse đã đưa công việc của con người đến gần màu nhiệm cứu độ.

23. Trong thời gian đức Giêsu lớn lên “trong sự khôn ngoan, vóc dạng và ân sủng”, *nhân đức cần cù làm việc* có một vai trò quan trọng: vì “lao động là một thiện hảo của con người”, “biến đổi thiên nhiên” và theo một nghĩa nào đó, “làm cho con người trở nên người hơn”.^[34]

Tầm quan trọng của lao động trong cuộc sống con người buộc người ta phải nhận thức và nhận lấy các yếu tố của nó hầu “giúp đỡ mọi người, nhờ lao động, tiến lại gần Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo và Cứu Độ; thứ đến, tham gia vào chương trình cứu độ của Người đối với nhân loại và thế giới; ngoài ra còn giúp họ gắn bó hơn trong cuộc sống thân mật với Đức Kitô qua việc tham dự bằng đức tin sống động vào ba sứ vụ của Người: Tư Tế, Ngôn Sứ, và Vương Đế”^[35]

24. Cuối cùng là việc thánh hóa đời sống thường nhật: mỗi người phải hướng tới việc đó tùy theo hoàn cảnh của mình và nêu lên như một gương mẫu mọi người có thể noi theo: “Thánh Giuse là gương mẫu của những con người khiêm tốn mà Kitô giáo có thể dẫn đưa tới những vận mệnh lớn lao; thánh Giuse là bằng chứng cho thấy rằng, để là môn đệ tốt và đích thật của đức Kitô, không cần thiết phải có những “kỳ công” mà chỉ cần những nhân đức thông thường, nhân bản, đơn sơ nhưng phải là những nhân đức thật sự và đích đáng”^[36]

V. ĐỊA VỊ CAO TRỌNG CỦA ĐỜI SỐNG NỘI TÂM

25. Bầu khí thình lạng quanh những gì liên quan đến con người thánh Giuse cũng lan tỏa đến công việc thợ mộc của Người trong ngôi nhà Nadarét. Tuy nhiên, đó là *một sự thình lạng cho thấy được một cách đặc biệt con người nội tâm của thánh Giuse*. Các sách Tin Mừng chỉ nói tới những gì “thánh Giuse làm”, nhưng cũng giúp chúng ta khám phá được “trong những hành động” luôn thấm nhuần sự thình lạng của Người có một *bầu khí chiêm niệm sâu xa*. Hằng ngày thánh Giuse tiếp xúc với “màu nhiệm được giấu kín từ bao thế hệ”, màu nhiệm đã “cư ngụ” dưới mái gia đình của thánh Giuse. Sự kiện đó giúp ta hiểu tại sao thánh nữ Têrêxa Giêsu, vị cải tổ lớn của dòng Carmel chiêm niệm, đã trở nên người cô võ cho việc canh tân lòng sùng kính đối với thánh Giuse trong Giáo hội Kitô giáo Tây phương.

26. Trong suốt cuộc đời, thánh Giuse đã thể hiện một sự hiến dâng tuyệt đối để đáp ứng những nhu cầu của cuộc sống của Đấng Cứu Thế trong nhà mình, sự hiến dâng đó nảy sinh “từ đời sống nội tâm rất sâu xa của Người, nhờ đó, Người nghe được những mệnh lệnh và tìm thấy những khích lệ thật đặc biệt; từ đời nội tâm đó, Người tìm được sự hợp lý và sức mạnh thích hợp cho những tâm hồn đơn sơ và trong sáng; từ đời nội tâm đó, Người có được những quyết định mạnh mẽ, chẳng hạn, mau mắn sẵn sàng tuân theo chương trình của Thiên Chúa trong ý muốn tự do, trong ơn gọi đích thật của con người, trong hạnh phúc hôn nhân; đồng thời chấp nhận

hoàn cảnh, trách nhiệm cũng như những khó khăn của đời sống gia đình, và khước từ tình yêu hôn nhân tự nhiên, vốn làm nên và nuôi dưỡng đời sống gia đình, để có được một tình yêu trinh khiết không gì so sánh được”^[37]

Việc tuân phục Thiên Chúa như vậy, nghĩa là ý muốn mau mắn hiến dâng tất cả để phục vụ Thiên Chúa, không gì khác hơn là *thể hiện lòng đạo đức (devotio)*, làm nên một trong những cách diễn tả của nhân đức thờ phượng (*virtus religio*)^[38].

27. Đời sống hiệp thông giữa thánh Giuse và đức Giêsu còn giúp chúng ta nhìn ngắm mầu nhiệm Nhập Thể một cách chính xác dưới khía cạnh nhân tính của đức Kitô, là dụng cụ hữu hiệu của thiên tính để thánh hóa nhân loại. “Nhờ thiên tính, những hành vi nhân loại của đức Kitô đã có tính cách cứu độ cho chúng ta, làm phát sinh trong chúng ta ân sủng về mặt công phúc cũng như hiệu năng.”^[39]

Trong số những hành vi này, các thánh ký đặc biệt nói tới những hành vi liên hệ với mầu nhiệm Vượt Qua; tuy nhiên các ngài đã không quên nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đụng chạm thật sự tới Đức Giêsu trong những lần Người chữa bệnh (xc. thí dụ, Mc 1,41), hoặc bỏ đi ảnh hưởng của Người đối với Gioan Tẩy Giả khi cả hai còn trong bụng mẹ. (xc. Lc 1,41-44)

Như đã thấy, khi làm chứng cho đức Kitô, các tông đồ đã không bỏ qua việc mô tả Người được sinh ra, chịu cắt bì, được dâng trong đền thờ, trốn sang Ai-cập và đời sống ẩn dật tại Nadarét ; đó là vì “mầu nhiệm” của ân sủng hàm chứa trong những “hành vi” như thế, tất cả những hành vi đó đều có tính cách cứu độ, vì tham dự vào cùng một nguồn suối tình yêu: thiên tính của Đức Kitô. Nếu tình yêu này, do nhân tính của đức Kitô, giải sáng trên tất cả mọi người, thì hẳn nhiên những người đầu tiên được thừa hưởng là những người mà Thiên Chúa muốn đưa vào trong mối tình thân mật sâu xa nhất: đức Maria mẹ của Người, và thánh Giuse, người được coi là cha giả định của Người.^[40]

Bởi vì tình yêu “phụ tử” của thánh Giuse không thể nào không ảnh hưởng đến tình yêu “con thảo” của Đức Giêsu, và ngược lại, tình yêu “con thảo” của Đức Giêsu không thể nào không ảnh hưởng đến tình yêu “phụ tử” của thánh Giuse, làm sao có thể thấu hiểu được chiều sâu của mối tương quan hết sức đặc biệt như vậy? Những tâm hồn nhạy cảm nhất đối với tác động tình yêu của Thiên Chúa sẽ thật sự tìm thấy nơi thánh Giuse mẫu gương sáng chói của đời sống nội tâm.

Ngoài ra, nhờ đức ái hoàn hảo, thánh Giuse đã lướt thắng được một cách tuyệt vời điều xem ra giằng co giữa đời sống hoạt động và đời sống chiêm niệm. Theo như cách phân biệt phổ thông giữa lòng yêu mến chân lý (*charitas veritatis*) và những đòi hỏi của lòng yêu mến (*necessitas charitatis*)^[41], chúng ta có thể nói rằng thánh Giuse đã cảm nghiệm được *lòng yêu mến chân lý*, nghĩa là tình yêu say mê chiêm ngắm chân lý của Thiên Chúa

chiều giải từ nhân tính đức Kitô, cũng như *cảm nghiệm được những đòi hỏi của lòng yêu mến*, nghĩa là tình yêu phục vụ do sự đòi hỏi của việc bảo vệ và làm triển nở nhân tính ấy.

VI. ĐÁNG BẢO TRỢ GIÁO HỘI THỜI NAY

28. Trong những thời gian khó khăn, vì muốn dâng phước Giáo hội cho ơn bảo trợ đặc biệt của thánh Giuse, nên Đức Piô IX đã tuyên phong Người là “Đáng Bảo Trợ Giáo hội Công Giáo”^[42]. Đức Thánh Cha biết rằng quyết định của mình không phải là không hợp thời, bởi vì, do phẩm tước hết sức cao cả mà Thiên Chúa đã ban cho Người Đầy Tớ trung thành này “không kể đối với đức Trinh Nữ bạn của Người, Giáo hội đã luôn hết sức tôn kính thánh Giuse vinh phúc, Giáo hội đã hết lòng ca tụng Người và đặc biệt chạy đến Người trong những lúc gian nan.”^[43]

Nhưng vì lý do gì Giáo hội lại tín nhiệm Người như thế? Đức Lêô XIII đã kể ra những lý do như sau: “Những lý lẽ để thánh Giuse được nhận làm Đáng Bảo Trợ đặc biệt của Giáo hội, và để Giáo hội hy vọng rất nhiều vào sự che chở và bảo hộ của Người chính yếu là vì thánh Giuse là chồng của đức Maria và mang danh là cha của Đức Giêsu Kitô (...). Thánh Giuse đã là người gìn giữ, đứng đầu và bảo vệ gia đình Chúa, chiếu theo luật pháp cũng như phù hợp với lẽ tự nhiên (...). Vì thế, như xưa kia thánh Giuse đã che chở gia đình Nazarét một cách thánh thiện ở mọi hoàn cảnh, thì ngày nay, thật là hợp lý và chính đáng, từ trời cao Người cũng che chở và bảo vệ Giáo hội của đức Giêsu Kitô như vậy.”^[44]

29. Giáo hội luôn phải kêu cầu thánh Giuse bảo trợ, không những để bảo vệ Giáo hội khỏi những nguy hiểm không ngừng nảy sinh, nhưng nhất là còn để nâng đỡ Giáo hội trong những nỗ lực canh tân nhằm rao giảng Tin Mừng cho thế giới cũng như tái rao giảng Tin Mừng lại cho các vùng, các quốc gia mà, như tôi đã viết trong Tông huấn “Kitô hữu giáo dân”, tôn giáo và đời sống Kitô hữu trước kia hết sức phong phú, và “ngày nay đang bị thử thách”^[45].

Để giới thiệu Tin Mừng đức Kitô hoặc là để trình bày lại đức Kitô cho những nơi đã bỏ mất hay bỏ quên Tin Mừng đó, Giáo hội cần phải có một “sức mạnh từ trời ban xuống” một cách đặc biệt (xc. Lc 24,49; Cv 1,8), sức mạnh đó tất nhiên là do Chúa Thánh Thần ban, nhưng cũng nhờ sự chuyển cầu và gương mẫu của các thánh.

30. Ngoài sự bảo trợ hữu hiệu của thánh Giuse, Giáo hội còn tin tưởng vào gương mẫu đặc biệt của Người, không chỉ là tấm gương cho một bậc sống riêng biệt nào đó, nhưng được nêu lên cho tất cả cộng đồng Kitô hữu, bất cứ hoàn cảnh và trách vụ nào của mỗi người.

Như Hiến chế “Mạc Khải” của Công đồng Vatican II đã nói, thái độ nền tảng của toàn thể Giáo hội phải là thái độ “cung kính lắng nghe lời Thiên Chúa”^[46], nghĩa là tuyệt đối sẵn sàng để trung thành phục vụ ý định cứu độ

của Thiên Chúa, được mạc khải qua đức Giêsu. Ngay từ khởi đầu ơn cứu độ con người, chúng ta đã thấy được, sau đức Maria, mẫu gương vâng lời thể hiện nơi thánh Giuse, Đấng đã đặc biệt trung thành thực thi các luật điều của Chúa.

Đức Phaolô VI kêu gọi hãy khẩn cầu thánh Giuse “như Giáo hội trong thời gian gần đây vẫn quen làm, trước tiên khẩn cầu cho chính Giáo hội, cho việc suy tư thần học về mối liên kết giữa hành động của Thiên Chúa và hành động của con người trong nhiệm vụ lớn lao của ơn cứu độ, trong đó, điều thứ nhất, tức là hành động của Thiên Chúa, đã hoàn toàn đầy đủ, trong khi điều thứ hai, tức là hành động của con người, của chúng ta, tuy vẫn hoàn toàn bất lực (xc. Ga 15,5) nhưng không bao giờ được chuẩn miễn khỏi một sự công tác khiêm tốn, vẫn cần thiết và cao trọng. Ngoài ra, Giáo hội khẩn cầu thánh Giuse là Đấng Bảo Trợ, vì Giáo hội có một khao khát sâu xa và rất hiện thực là muốn làm sinh động cuộc sống trần thế của mình, với các nhân đức đích thật của Tin Mừng, như thấy tỏa sáng nơi thánh Giuse”^[47]

31. Giáo hội biến những đòi hỏi đó thành lời khẩn cầu. Khi nhắc lại rằng, ở bình minh của thời đại mới, Thiên Chúa đã trao phó cho thánh Giuse việc gìn giữ các mầm nhiệm cứu độ, Giáo hội cũng xin Người ban cho Giáo hội được trung thành cộng tác vào công cuộc cứu độ, yêu mến công việc đó bằng một trái tim không chia sẻ, theo gương thánh Giuse, Đấng đã tự hiến trọn vẹn để phục vụ Ngôi Lời Nhập Thể, và cũng cho chúng ta được sống trong sự công chính và thánh thiện, nhờ sự nâng đỡ bằng gương mẫu và lời cầu của Người^[48].

Cách đây 100 năm, Đức Thánh Cha Lêô XIII đã khuyến khích thế giới Công giáo hãy cầu nguyện để được bảo trợ nhờ thánh Giuse, bổn mạng của toàn thể Giáo hội. Thông điệp *Quamquam Pluries* đã nại tới “Tình yêu phụ tử của thánh Giuse đối với Hài nhi Giêsu”, nại tới “Đấng bảo trợ rất khôn ngoan của gia đình Thiên Chúa”, thông điệp “trao phó” cho Người “gia tài quý hoá mà đức Giêsu đã dành được bằng chính máu mình”. Từ khi đó, *Giáo hội*, như tôi đã nói đến lúc đầu, *van xin thánh Giuse bảo trợ*, nhờ “tình thương đã kết hợp Người với đức Trinh Nữ Vô Nhiễm Mẹ Thiên Chúa”, và Giáo hội dâng phó cho Người tất cả những lo âu của mình, nhất là vì những đe dọa đang đè nặng trên gia đình nhân loại.

Và ngày nay nữa, *chúng ta có rất nhiều lý do để cầu nguyện như vậy*: “ Ôi Cha rất yêu dấu, xin canh giữ chúng con khỏi mọi vết nhơ của lầm lạc và nét xấu, ... từ trời cao xin ban ân đức và nâng đỡ chúng con trong cuộc chiến chống lại thế lực tối tăm ...; và cũng như xưa Cha đã giải thoát Hài Nhi Giêsu khỏi những nguy hiểm tính mạng, ngày nay xin bảo vệ Hội thánh của Thiên Chúa khỏi những cạm bẫy của kẻ thù và của mọi nghịch cảnh”^[49]. *Ngày nay chúng ta vẫn có những lý do để dâng phó mỗi người cho thánh Giuse*.

32. Tôi hết lòng mong ước rằng việc gọi lại dung mạo của thánh Giuse lúc này sẽ đổi mới trong chúng ta lòng thiết tha cầu nguyện mà vị tiền nhiệm của tôi, cách đây một thế kỷ, đã truyền phải thực hiện. Quả thật, chắc

chấn rằng lời kinh đó và ngay chính *dung mạo của thánh Giuse vẫn còn thích hợp đối với hiện tình của Giáo hội thời đại chúng ta*, khi sắp bước vào thiên niên kỷ mới của Kitô giáo.

*Công đồng Vaticanô II, một lần nữa, lại làm cho tất cả chúng ta cảm nhận được “những kỳ công của Thiên Chúa”, “nhiệm vụ cứu độ” mà thánh Giuse là thừa tác viên đặc biệt. Như vậy, khi dâng phó cho sự bảo trợ của Đấng mà chính Thiên Chúa đã “giao phó cho việc quản thủ những kho tàng quý báu và cao cả nhất của Người”^[50], thì đồng thời, chúng ta học nơi thánh Giuse cách thế phục vụ “nhiệm vụ cứu độ”. Ước mong thánh Giuse trở thành một vị thầy đặc biệt cho chúng ta trong việc *phục vụ sứ mệnh cứu độ* của đức Kitô; đó là trách vụ của chúng ta, của tất cả và của từng người trong Giáo hội: của những đôi vợ chồng, của những bậc cha mẹ, của những người sinh sống bằng công việc do chính đôi tay mình, hay tất cả những công việc khác, của những người được kêu gọi sống đời chiêm niệm cũng như của những người được kêu gọi làm việc tông đồ.*

Mang trong mình toàn bộ gia sản của Cựu ước, *Đấng Công Chính cũng được đưa vào “khởi nguyên” của Giao Ước Mới và vĩnh cửu trong đức Giêsu Kitô*. Ước mong Người sẽ chỉ dẫn cho chúng ta những nẻo đường của Giao ước cứu độ này ở ngưỡng cửa của thiên niên kỷ sắp tới, khi đó, “sự viên mãn của thời gian” trong mâu nhiệm khôn tả của mâu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể phải được tiếp diễn và phát triển!

Ước mong thánh Giuse ban cho Giáo hội và thế giới cũng như cho mỗi người chúng ta phúc lành của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần!

Ban hành tại Roma, cạnh đền thờ thánh Phêrô,
ngày 15.08.1989, đại lễ Đức Trinh Nữ Maria Hồn Xác Lên Trời,
năm thứ 11 triều đại giáo hoàng của tôi.

GIOAN PHAOLÔ II

[1] Xc T. Irênêo, *Adversus haereses*, IV, 23, 1: Sources Chrétiennes 100/2, tr. 692-694

[2] Lêô XIII, Thông điệp *Quamquam Pluries* (15/08/1889): *Leonis XIII P.M. Acta*, IX (1890), tr. 175-182.

[3] Thánh bô Nghi Lễ, Sắc lệnh *Quemadmodum Deus* (08.12.1870): *Pii IX P.M. Acta*, pars 1, vol. V, tr. 282; Piô IX, Tông thư *Inclytum Patriarcham* (07.07.1871) *ibid.*, tr.331-335.

[4] Xc T. Gioan Kim Khẩu, *In Matth. Hom.* V,3: PG 57, 57t.. Dựa trên sự trùng tên, các vị tiền sĩ Giáo hội và các Giáo hoàng đã coi ông Giuse ở Ai cập xưa là nguyên mẫu của thánh Giuse Nadarét, bởi vì một cách nào đó, ông Giuse ở Ai cập đã phác họa nên sứ vụ và sự cao cả trong việc gìn giữ những kho tàng quý báu nhất của Thiên Chúa Cha, đó là Ngôi Lời Nhập Thể và Đức Nữ Maria: xc, thí dụ, T. Bênađô, *Super Missus est, Hom.* II,16: S.Bernardi Opera, Ed.Cist., IV, 33-34; Lêô XIII, Tđ. *Quamquam Pluries*: nơi đã dẫn. tr. 179

[5] Vaticanô II, *Hiến chế tín lý về Giáo hội* (= GH), số 58

[6] GH số 63.

[7] Vaticanô II, *Hiến chế tín lý về Mạc Khải của Thiên Chúa* (=MK), số 2

[8] MK số 2

- [9] Xc GH số 63
- [10] MK số 2
- [11] Thánh bộ Nghi lễ, Sắc lệnh *Novis hisce temporibus* (13.11.1962): AAS 54 (1962) tr. 873
- [12] T. Augustinô, *Sermo* 51, 10, 16: PL 38, 342.
- [13] T. Augustinô, *De nuptiis et concupiscentia*, I, 11, 12: PL 44, 421; xc *De consensu evangelistarum* II, 1, 2: PL 34, 1071; *Contra Faustum*, III,2: PL 42, 214.
- [14] T. Augustinô, *De nuptiis et concupiscentia*, I, 11, 13: PL 44, 421; xc *Contra Julianum*, V, 12, 46: PL 44, 810.
- [15] T. Augustinô, *Contra Faustum*, XXIII,8: PL 42, 470-471; *De consensu evangelistarum* II, 1, 3: PL 34, 1072; *Sermo* 51, 13, 21: PL 38, 344-345; T. Toma, *Summa Theol.* III, q.29, a2 in conclus.
- [16] Xc Huấn từ ngày 09.01; 16.01 và 20.02.1980: *Insegnamenti*, III/1 (1980), tr. 88-92; 148-152; 428-431.
- [17] Phaolô VI, Huấn từ nói với “*Equipes Notre Dame*” (04.05.1970) số 7: AAS 62 (1970), tr.431. Việc trình bày Thánh gia ở Nadarét như một mẫu gương tuyệt hảo cho các gia đình có thể tìm thấy, chẳng hạn, trong Lêô XIII, Tông thư *Neminem fugit* (14.06.1892): *Leonis XIII P.M. Acta*, XII (1892) tr.149-150; Bênêditô XV, Tựa sắc *Bonum sane* (25.07.1920): AAS 12 (1920), tr.313-317.
- [18] Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris consortio* (22.11.1981), số 17: AAS 74 (1982), tr.100.
- [19] Như trên, số 49: AAS 74 (1982), tr.140; xc Vaticanô .II, GH số 11; Sắc lệnh *Tông đồ giáo dân* số 11.
- [20] Tông huấn *Familiaris consortio* (22.11.1981), số 85: AAS 74 (1982) tr.189t.
- [21] Xc T. Gioan Kim Khẩu, *In Matth.Hom.* 5,3: PG 57, 57-58.
- [22] Phaolô VI, Huấn từ ngày 19.03.1966: *Insegnamenti* IV (1966), tr.110.
- [23] Xc Sách lễ Rôma, Kinh Tổng nguyện “*Lễ trọng Thánh Giuse bạn Đức Trinh Nữ Maria*”.
- [24] Xc Sách lễ Rôma, Kinh Tiền Tụng “*Lễ trọng Thánh Giuse bạn Đức Trinh Nữ Maria*”.
- [25] Thông điệp *Quamquam Pluries*: l.c. tr.178.
- [26] Đức Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh gửi các sinh viên các trường công giáo Hoa kỳ* (19.2.1958): AAS 50 (1958), tr.174.
- [27] Origène, *Hom.* XI in Lucam 7: S. Ch. 87, tr. 214-215
- [28] Origène, *Hom.* XI in Lc 6: S.Ch. 87, tr. 196-197.
- [29] Xc Sách lễ Rô-ma, *Kinh Nguyên Thánh The* số 1.
- [30] Thánh bộ Nghi lễ, Sắc lệnh *Quemadmodum Deus* (08.12.1870): l.c. tr.282
- [31] *Collectio Missarum de beata Maria Virgine*, I, “*Sancta Maria de Nazaret*”, Kinh Tiền Tụng.
- [32] Gioan Phaolô II, Tông huấn *Familiaris Consortio* số 16: AAS 74 (1982) tr. 98.
- [33] Lêô XIII, Thông điệp *Quamquam Pluries*: l.c. tr. 177-178
- [34] Xc Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem exercens* (14.09.1981) số 9: AAS 73 (1981) tr. 599-600.
- [35] Như trên, số 28: l.c. tr. 638. Thời gian gần đây các vị Giáo hoàng luôn trình bày thánh Giuse như mẫu gương của các người thợ và các người lao động; xc, thí dụ Lêô XIII, Thông điệp *Quamquam Pluries* (15.08.1889): l.c. tr.180; Bênêditô XV, Tựa sắc *Bonum sane* (25.07.1920): AAS 12(1920) tr. 314-316; Piô XII, Huấn từ ngày 11.03.1945, số 4: AAS 37 (1945), tr.72; Huấn từ ngày 01.05.1955: AAS 47 (1955), tr. 406; Gioan XXIII, *Sứ điệp truyền thanh* ngày 01.05.1960: AAS (1960), tr.398.
- [36] Phaolô VI, Huấn từ ngày 19.03.1969: *Insegnamenti*, VII (1969), tr.1268
- [37] Như trên, tr.1267.
- [38] xc T. Tôma, *Summa Theol.* II-IIae, q.82, a.3, ad 2.
- [39] như trên, III, q.8, a.1, ad 1.
- [40] Piô XII, Thông điệp *Haurietis aquas* (15.05.1956), III: AAS 48 (1956), tr. 329-330.
- [41] xc T. Thomas, *Summa Theol.* II-IIae, a.182, a.1 ad 3.
- [42] xc. Thánh bộ Nghi lễ, sắc lệnh *Quemadmodum Deus* (08.12.1870): l.c. tr.283
- [43] như trên, l.c. tr.282-283
- [44] Lêô XIII, thông điệp *Quamquam Pluries* (15.08.1889): l.c. tr.177-179.
- [45] Gioan Phaolô II, Tông huấn *Christifideles laici* (30.12.1988), số 34: AAS 81 (1989), tr.456.
- [46] Vaticanô II, MK số 1.
- [47] Phaolô VI, Huấn từ ngày 19.03.1969: *Insegnamenti*, VII (1969), tr.1269.
- [48] Xc. Sách lễ Roma, Kinh tổng nguyện và lời nguyện trên lễ vật “*Lễ trọng thánh Giuse, Bạn Đức Trinh Nữ Maria*”; Lời nguyện sau hiệp lễ “*Lễ ngoại lịch kính thánh Giuse*”.
- [49] Xc Lêô XIII. “*Lời nguyện với thánh Giuse*” theo sau bản văn Thông điệp *Quamquam Pluries* (15.08.1889): *Leonis XIII P.M. Acta*, IX (1890), tr.183.
- [50] Thánh bộ Nghi lễ, Sắc lệnh *Quemadmodum Deus* (08.12.1870): l.c. tr.282